

# Liên kết mạng sản xuất xuyên quốc gia *Tiêu điểm Việt – Lào*

**TS. Đàm Quang Vinh**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: damquangvinhneu@gmail.com*

*Việt - Lào là hai trong số 10 quốc gia thành viên ASEAN đang nhanh chóng thống nhất nền kinh tế của mình với việc thực thi đầy đủ AFTA<sup>1</sup> và tiến tới xây dựng Cộng đồng chung ASEAN vào năm 2015. Việt Nam hiện được coi là quốc gia có “dân số vàng” trong ASEAN; một nền kinh tế đang công nghiệp hóa mạnh mẽ và đang tiếp bước các nền kinh tế Đông Á để trở thành “tiểu công xưởng thế giới” – đây chắc chắn sẽ là một nền kinh tế có nhu cầu lớn về năng lượng và nguyên liệu nhập khẩu. Trong khi đó, Lào là một quốc gia có dân số mỏng, nền kinh tế trong giai đoạn tiền phát triển, nhưng rất giàu tài nguyên năng lượng và khoáng sản. Chính phủ hai nước đã triển khai nhiều nội dung hợp tác trong khuôn khổ song phương và đa phương. Đây là tiền đề quan trọng cho khả năng kết nối giữa hai nền kinh tế; sự hợp tác giữa các doanh nghiệp và sự hình thành mạng sản xuất xuyên quốc gia.*

*Tuy nhiên, trên thực tế, việc chủ động xây dựng mạng sản xuất xuyên quốc gia chưa thực sự được quan tâm ở mỗi nước, mà chủ yếu là từng nước vẫn theo đuổi các lợi thế riêng của mình trong thương mại và đầu tư quốc tế. Đây là lý do bài báo muốn tập trung đưa ra quan điểm về chủ chương xây dựng mạng sản xuất xuyên quốc gia Việt – Lào.*

**Từ khóa:** quan hệ thương mại, mạng sản xuất

## **1. Thực trạng hợp tác phát triển kinh tế Việt Nam – Lào trong những năm vừa qua**

### **1.1. Quan hệ về thương mại**

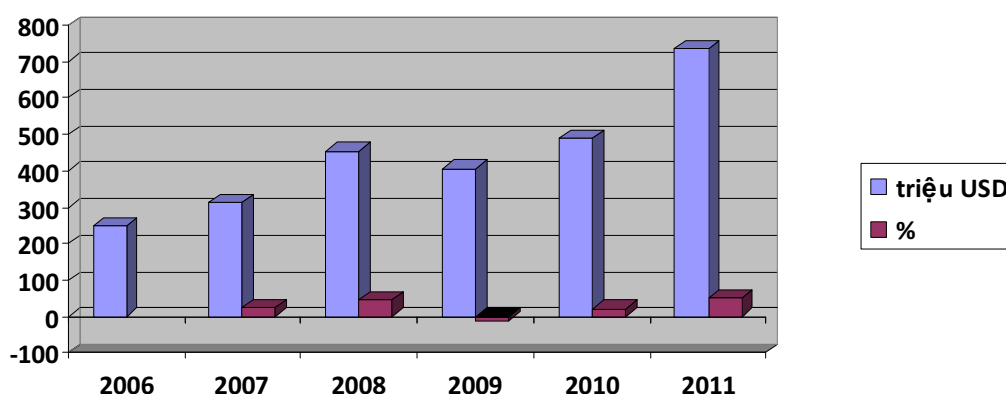
Quan hệ thương mại Việt Nam – Lào hiện đang ở trong giai đoạn phát triển tốt. Việt Nam là bạn hàng lớn thứ 3 của Lào (sau Thái Lan và Trung Quốc) với kim ngạch thương mại hai chiều tăng liên tục qua các năm. Trong giai đoạn 2006–2011, kim ngạch xuất, nhập khẩu giữa hai nước tăng khá mạnh, đạt mức bình quân 27%/năm.

Kết quả khả quan trên là nhờ nỗ lực tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư giữa Chính phủ hai nước. Theo thỏa thuận của Bộ Công thương hai nước (7-2005), danh mục hàng hóa được giảm thuế từ 50% đến 0% đã được thông qua. Việc giảm chi phí dịch vụ lao động, cấp thẻ theo thời hạn hợp đồng và cư trú của người lao động Việt Nam tại Lào đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy đầu tư, thương mại giữa hai nước. Chính phủ hai nước

khuyến khích doanh nghiệp liên doanh mở cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm của Lào tại Việt Nam, cũng như mở cửa hàng của Việt Nam tại Lào, để nhân dân làm quen với sản phẩm của hai nước, tiến tới xây dựng Trung tâm thương mại ở hai nước. Ngân hàng liên doanh Lào- Việt Nam từ khi thành lập cho đến nay đã liên tục tăng vốn và mở rộng quy mô hoạt động lên mức 70 triệu USD vốn điều lệ, trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu tại Lào, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy giao thương giữa hai nước, đặc biệt là khâu thanh toán quốc tế. Quan hệ hợp tác thương mại giữa hai nước những năm gần đây ngày một khởi sắc. Dự kiến kim ngạch hai chiều sẽ đạt 5 tỷ USD vào năm 2020.

Trong cơ cấu xuất nhập khẩu, quan hệ thương mại Việt Nam – Lào thể hiện rõ mối quan hệ tương hỗ khi mà Việt Nam xuất khẩu sang Lào chủ yếu là các sản phẩm hàng tiêu dùng và các vật tư công nghiệp như giày dép các loại, sản phẩm chất dẻo,

**Biểu đồ 1: Kim ngạch hai chiều Việt – Lào**



Nguồn: [http://ven.vn/dua-kim-ngach-thuong-mai-viet-lao-dat-5-ty-usd-vao-nam-2010\\_t77c12n29638tn.aspx](http://ven.vn/dua-kim-ngach-thuong-mai-viet-lao-dat-5-ty-usd-vao-nam-2010_t77c12n29638tn.aspx)

gạo, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, dây điện và dây cáp điện... Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Lào là các loại nguyên liệu thô và nông-lâm sản như gỗ và sản phẩm từ gỗ, kim loại thường, ô-tô nguyên chiếc các loại, nguyên phụ liệu thuốc lá và một số mặt hàng khác.

### 1.2. Quan hệ về đầu tư

Về phương diện đầu tư, Hợp tác đầu tư giữa Việt Nam- Lào được lãnh đạo hai nước quan tâm và khuyến khích. Việt Nam coi Lào là một trọng điểm đầu tư với nhiều lợi thế cả về môi trường vĩ mô, cũng như các điều kiện hậu cần công nghiệp. Trong những năm gần đây, đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại Lào đã gia tăng mạnh mẽ cả về quy mô và tốc độ. Giai đoạn 2006 – 2010, có 190 dự án với tổng số vốn đăng ký đạt hơn 2,6 tỷ USD, tăng 21 lần so với giai đoạn 2001 – 2005; riêng năm 2011, đạt 480 triệu USD, cao hơn năm 2010. Khu vực Trung và Nam Lào có 163 dự án của Việt Nam, chiếm 78%. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, dòng vốn đầu tư của Việt Nam vào Lào vẫn gia tăng mạnh mẽ cả về số lượng dự án cũng như tổng giá trị đầu tư. Tính đến nay, các doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư vào Lào hơn 400 dự án với tổng số vốn khoảng 3,6 tỷ USD, đưa Việt Nam lên vị trí thứ hai trong số 52 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Lào<sup>2</sup>.

Trong cơ cấu đầu tư của Việt Nam, các doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: dịch vụ, (với dự án điển hình là dự án đầu tư Sân golf Viêng Chăn - Long Thành và bất động sản khu vực Đông Phô Xi với vốn đầu tư 1 tỷ USD); thủy điện; lĩnh vực nông và lâm nghiệp (trồng cây công nghiệp và chế biến lâm sản, nông sản; khai khoáng) với tổng vốn đầu tư khoảng 800 triệu USD. Nhìn chung, các dự án trong lĩnh vực này, nhất là các dự án trồng cây

công nghiệp, được các doanh nghiệp Việt Nam triển khai đúng tiến độ; một số dự án trồng cây cao-su đã bắt đầu cho dòng sản phẩm đầu tiên như các dự án của Công ty cổ phần Cao-su Việt - Lào, Công ty Cao-su Dầu Tiếng, Tập đoàn Hoàng Anh- Gia Lai,... Trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, một số dự án đầu tư quy mô tương đối lớn đã hoàn thành giai đoạn thăm dò, khảo sát và đang chuẩn bị tiến hành khai thác, chế biến. Hiện nay, đã có 46 dự án của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản với tổng vốn đầu tư là 118 triệu USD, quy mô bình quân một dự án là 2,5 triệu USD. Các dự án đầu tư khai thác khoáng sản tại Lào nhìn chung đã triển khai hoạt động. Đây là lĩnh vực có nhiều doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sang Lào nhất so với các lĩnh vực khác.

Nhìn chung, các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Lào hoạt động có chất lượng tốt, đã góp phần vào việc phát triển kinh tế- xã hội của các địa phương, tạo việc làm cho người dân. Nhiều dự án đã đi vào hoạt động, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội các địa phương Lào, tạo tiền đề cho việc hình thành ngành công nghiệp chế biến trong tương lai của Lào, trong đó có các cơ sở công nghiệp chế biến, như nhà máy chế biến cao-su, nhà máy đường, nhà máy phân vi sinh... Các dự án này cũng đã và sẽ thắt chặt thêm mối liên kết giữa hai nền kinh tế, là những cơ sở quan trọng cho việc hình thành mạng sản xuất xuyên quốc gia theo hướng khai thác các lợi thế so sánh ở từng quốc gia.

Bên cạnh các lợi ích kinh tế, các doanh nghiệp cũng xây dựng nhiều công trình phúc lợi xã hội góp phần phát triển cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo cho cư dân vùng dự án như: Công ty Hoàng Anh-Gia Lai đã đầu tư xây dựng bệnh viện, trường học, cầu đường... trị giá khoảng 40 triệu USD; Công ty

Đầu tư Sài Gòn tài trợ 100 suất học bổng cho sinh viên Lào sang học tại các trường đại học Việt Nam; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã giúp xây dựng một trường học ở tỉnh Hòa-phấn trị giá một triệu USD; Công ty gôn Long Thành đã hỗ trợ các cơ quan của Lào 3,6 triệu USD<sup>3</sup>;...

## **2. Cơ hội và thách thức đối với sự liên kết mạng sản xuất xuyên quốc gia giữa hai nước**

Việt Nam và Lào đều đang dần trở thành những thành viên năng động của các hiệp định tự do về thương mại và đầu tư trong khu vực và toàn cầu. Tự do hoá thương mại tác động đến các nước tham gia ở nhiều mức độ khác nhau, tùy thuộc vào mức độ mở cửa và quy mô của nền kinh tế đó. Tuy nhiên, những ảnh hưởng chủ yếu của việc tham gia vào khu vực mậu dịch tự do của một nước được thể hiện ở việc tạo lập mậu dịch và chuyển hướng mậu dịch: Tạo lập mậu dịch nghĩa là thông qua việc tham gia vào khu vực mậu dịch tự do của các quốc gia, quá trình tạo lập mậu dịch được hình thành và thể hiện ở việc mở rộng khả năng xuất - nhập khẩu giữa các nước thành viên; Chuyển hướng mậu dịch nghĩa là thay vì phải nhập hàng hóa từ các nước ngoài khu vực với mức giá cao hoặc tự sản xuất với chi phí tốn kém, quốc gia thành viên có quyền lựa chọn nhập khẩu hàng hóa của các nước trong khu vực với mức giá thấp hơn do có những ưu đãi về thuế quan. Tham gia vào khu vực mậu dịch tự do, các nước sẽ có nhiều thuận lợi cho chu chuyển thương mại nội bộ khu vực.

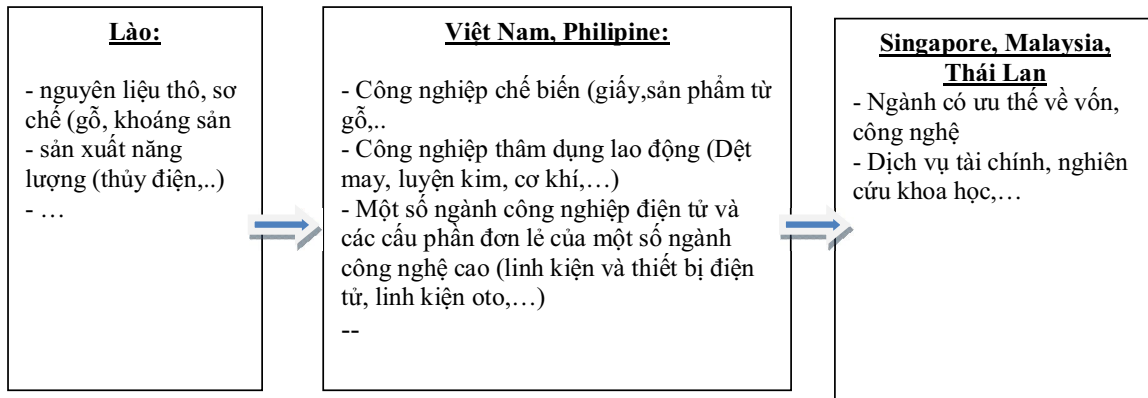
Ngày nay, với việc thực hiện AFTA, hầu hết các mặt hàng đều được ưu đãi, ngoại trừ nông sản chưa chế biến và sơ chế. Theo tính toán của một số nhà khoa học, nếu tất cả các nước ASEAN đều giảm thuế 10% đối với tất cả các thành viên thì khối lượng nhập khẩu và xuất khẩu của các nước này sẽ tăng không đáng kể. Tuy nhiên, một số nghiên cứu của cơ quan điều hành kinh tế cấp quốc gia không đồng ý với ý kiến trên và đánh giá rằng ảnh hưởng này là rất lớn đối với các nước. Giá nhập khẩu sẽ giảm căn bản đối với nhiều nước trong khu vực, từ 0,11% đối với Philippines tới 8,68% đối với Thái Lan. Riêng Singapore, thay đổi này không đáng kể vì nước này đã có chính sách tự do mậu dịch. Theo dự đoán, tổng giá trị buôn bán trong nội bộ ASEAN sẽ tăng khoảng 25%. Trong xu thế này, thương mại Việt - Lào chắc chắn sẽ còn tăng trưởng mạnh hơn nữa bởi các điều kiện thuận lợi về quan hệ kinh tế - chính trị - địa lý sẵn có.

Một khi khối lượng buôn bán thay đổi và có sự chuyển dịch mạnh, sẽ dẫn tới thay đổi cơ cấu các

ngành sản xuất trong các nước thành viên. Nhìn chung, những ngành sản xuất được bảo hộ quá nhiều trong nước sẽ giảm ở tất cả các quốc gia ASEAN do tác động của trao đổi thương mại nội bộ khối có hiệu quả hơn thay thế các cơ sở sản xuất kém hiệu quả trong nước. Kết quả là sản xuất ở những ngành kém hiệu quả trong nước giảm, đồng thời tăng khối lượng buôn bán những ngành sản xuất đạt hiệu quả cao, từ đó làm tăng tiêu dùng và phúc lợi trên cơ sở phân bổ tài nguyên và các nguồn vật chất một cách hợp lý hơn và hiệu quả hơn. Do tăng được lượng xuất khẩu nên nhìn chung tổng sản xuất sẽ được bù trừ. Tuy nhiên, ở từng nước, những thay đổi trong sản xuất sẽ khác nhau. Với Việt Nam các ngành sản xuất có tỷ lệ tăng nhanh nhất sẽ là các ngành sử dụng nhiều lao động và nguyên vật liệu như công nghiệp dệt, may mặc, công nghiệp chế biến gỗ, giấy. Những quốc gia trong ASEAN phát triển hơn như Singapore, Malaysia, Thái Lan sẽ phát triển những ngành có ưu thế về vốn, công nghệ. Trong xu thế chuyển dịch sản xuất này, theo đánh giá của tác giả bài viết, Lào với vai trò là một quốc gia giàu tài nguyên, dân số thưa, năng lực công nghệ quốc gia còn chậm phát triển, sẽ đóng vai trò như một trung tâm khai thác, sơ chế các nguyên liệu phục vụ các ngành công nghiệp chế biến của các thành viên khác trong ASEAN. Mô hình đơn giản của chuỗi sản xuất này có thể được hình dung như hình 1.

Mặt khác, cơ hội tăng trưởng kim ngạch thương mại hai chiều Việt - Lào càng rõ nét hơn khi hai chính phủ cụ thể hóa quyết tâm chính trị tăng cường sự hiện diện thương mại và đầu tư bằng hàng loạt các thỏa thuận song phương và đa phương như: Chiến lược hợp tác 2011 - 2020; Hiệp định hợp tác giai đoạn 2011 - 2015; Hiệp định hợp tác giai đoạn 2011. Thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia 2011, Cục Xúc tiến thương mại phối hợp với Vụ Châu Á- Thái Bình Dương (Bộ Công Thương), Thương vụ Việt Nam tại Lào và Cục Xúc tiến thương mại và Phát triển hàng hóa Lào tổ chức Hội chợ thương mại Việt - Lào 2011 diễn ra từ ngày 01 đến ngày 5/12/2011 tại Trung tâm hội nghị và triển lãm quốc tế Lào, Thủ đô Viêng Chăn, Lào. Hội chợ thương mại Việt - Lào 2011 có chủ đề "Hợp tác cùng nhau phát triển" đã thu hút sự tham gia của 180 doanh nghiệp đăng ký trưng bày hàng hóa trên tổng số 270 gian hàng, trong đó phía Việt Nam có 94 doanh nghiệp với 140 gian hàng có chất lượng, thương hiệu uy tín thuộc các nhóm ngành hàng: dược phẩm và trang thiết bị y tế, thực phẩm chế biến, máy và thiết bị công nghiệp, hóa chất, xây

**Hình 1: Dự báo chuỗi sản xuất trong ASEAN dưới tác động của AFTA**



dụng và vật liệu xây dựng. 86 doanh nghiệp Lào trưng bày hàng hóa tại 130 gian hàng. Nhân dịp Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 17 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội cuối tháng 10/2011, Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Vũ Huy Hoàng đã cùng Bộ trưởng Bộ Công Thương Lào Viyaketh ký kết Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam - Lào năm 2011. Đây là Bản thỏa thuận điều chỉnh và bổ sung Bản thỏa thuận ký ngày 17/1/2009 giữa hai Bộ Công Thương về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào, áp dụng cho năm 2011 và những năm tiếp theo. Theo đó, trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và Lào được chia thành 3 nhóm gồm nhóm các mặt hàng được hưởng thuế suất ưu đãi 0%; nhóm các mặt hàng được ưu đãi giảm thuế 50% so với thuế suất trong khu vực mậu dịch tự do AFTA và nhóm các mặt hàng không được hưởng thuế suất ưu đãi. Ngoài ra, bản thỏa thuận cũng quy định hạn ngạch nhập khẩu đối với một số mặt hàng của Lào xuất khẩu sang Việt Nam. Đầu tháng 4/2012, tại thị xã Paksé (tỉnh Champasak), Bộ Công Thương hai nước Việt Nam- Lào và chính quyền tỉnh Champasak đã phối hợp tổ chức Hội chợ Thương mại Lào - Việt Nam 2012. Hội chợ lần này thu hút khoảng gần 100 doanh nghiệp đến từ hai nước với tổng số trên 180 gian hàng trưng bày, trong đó có 70 doanh nghiệp Việt Nam với 120 gian hàng, 30 doanh nghiệp Lào với 60 gian hàng.

Một cơ sở thuận lợi nữa cho các hoạt động thương mại, đầu tư xuyên quốc gia Việt - Lào là nền tảng và cơ sở vững chắc của cơ chế tài chính xuyên quốc gia đã được phát triển khá tốt, tạo thuận lợi cho thanh toán quốc tế và chuyển tiền liên quốc gia. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đẩy mạnh hoạt động tại Lào từ tháng 6-1999 thông qua việc thành lập Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt (LVB). Trải qua 13 năm hoạt động, LVB đã có

những bước phát triển mạnh mẽ về quy mô và hiệu quả hoạt động kinh doanh, đứng thứ 3/27 thị trường tín dụng tại Lào. Mạng lưới của LVB ngày càng được mở rộng, ngoài Hội sở chính tại Thủ đô Viêng Chăn, LVB đã thành lập ba chi nhánh tại Lào và hai chi nhánh tại Việt Nam, tạo thành cầu nối khép kín trong việc cung ứng các dịch vụ ngân hàng cho doanh nghiệp, cộng đồng dân cư hai nước. Bên cạnh hoạt động chính, LVB đã thực hiện tốt nhiệm vụ là cầu nối giữa doanh nghiệp hai nước trong xúc tiến đầu tư, thương mại, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác hai nước thông qua việc cung ứng các dịch vụ ngân hàng, đặc biệt thực hiện giải ngân cho các dự án hợp tác giữa hai Chính phủ, cho vay các dự án đầu tư của Việt Nam sang Lào với số vốn đã giải ngân và cam kết giải ngân gần 150 triệu USD; thông qua kênh thanh toán chuyển tiền, chuyển đổi VNĐ sang kíp Lào cho doanh nghiệp hai nước với doanh số đạt hàng trăm tỷ kíp Lào/VNĐ mỗi năm. Nhằm tiếp tục thúc đẩy hoạt động tại Lào, tháng 6-2008 BIDV đã chỉ đạo BIC (Công ty con trực thuộc BIDV) thành lập Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào - Việt (LVI) với số vốn điều lệ ba triệu USD, trong đó BIC sở hữu 51% vốn điều lệ. Năm 2010, LVI đã vươn lên đứng thứ 2 tại thị trường bảo hiểm Lào về doanh thu phí bảo hiểm và tiếp tục duy trì thị phần trong năm 2011 với tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 4,2 triệu USD. Mạng lưới hoạt động của LVI liên tục được mở rộng và hiện là công ty bảo hiểm có mạng lưới lớn nhất tại Lào với hơn 100 đại lý phủ khắp 17 tỉnh, thành phố của Lào và bảy phòng kinh doanh. BIDV đã thành lập Văn phòng đại diện (VPĐD) tại Lào (tháng 9-2011) và cùng với vai trò là Chủ tịch Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào, BIDV sẽ tiếp tục hỗ trợ tốt các doanh nghiệp Việt Nam khi triển khai đầu tư, hoạt động kinh doanh tại thị trường Lào, góp phần duy trì, thúc đẩy và gia tăng kết quả, hiệu quả đầu tư của Việt Nam

tại thị trường Lào.

Điều cuối cùng là hạ tầng giao thông xuyên quốc gia. Mặc dù Việt Nam – Lào đã có gần bó các tuyến đường giao thông xuyên quốc gia từ thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, đặc biệt là trong những năm gần đây, tuyến đường Đông – Tây xuyên quốc gia trong hệ thống giao thông liên kết Việt Nam – Lào và các quốc gia trong khu vực đã được đầu tư nâng cấp, song nhìn chung, đây vẫn là khâu yếu nhất trong liên kết kinh tế khu vực nói chung và giữa Việt Nam và Lào nói riêng. Trong khi Việt Nam phần đầu trở thành “cửa khẩu” cho hàng hóa của Lào, thì chi phí logistics của Việt Nam vẫn thuộc hàng cao nhất trên thế giới. Do hạ tầng giao thông vận tải yếu kém, công nghệ thông tin chưa hỗ trợ hiệu quả, nên chi phí logistics tại Việt Nam khá cao, chiếm 25% GDP (so với các nước phát triển chỉ từ 9 đến 15%) trong đó chi phí vận tải chiếm 30 đến 40% giá thành sản phẩm (tỉ lệ này là 15% ở các quốc gia khác)<sup>4</sup>. Đây có lẽ là một trong những thách thức lớn cho hiệu quả của mối liên kết kinh tế giữa hai quốc gia nói chung và cho việc hình thành mạng sản xuất xuyên quốc gia Việt – Lào.

### **3. Đề xuất những định hướng hợp tác phát triển mạng sản xuất liên quốc gia Việt – Lào**

Các chiến lược phát triển kinh tế của từng quốc gia và các mô hình hợp tác liên Chính phủ nên đặt trong một “không gian chiến lược chung”, đó là hình thành mạng sản xuất xuyên quốc gia theo mô hình “chuỗi giá trị toàn cầu”. Theo mô hình này, dựa trên những lợi thế sẵn có về lao động, công nghệ, thị trường, Việt Nam sẽ phát triển các ngành sản xuất chế biến và công nghệ cao và trở thành “cửa khẩu” chung của cả hai nền kinh tế trong chiến lược hướng ra xuất khẩu. Hỗ trợ và liên kết chặt chẽ với nền kinh tế Việt Nam, dựa trên những lợi thế so sánh của nền kinh tế Lào, Lào sẽ phát triển các ngành kinh tế liên quan đến rừng, khai thác và chế biến khoáng sản làm nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp chế biến sâu của Việt Nam, và đặc biệt là mạng lưới liên kết năng lượng – lĩnh vực Việt Nam nên đầu tư sản xuất và phát triển mạng lưới truyền tải cung cấp điện cho nền sản xuất của cả hai quốc gia.

Để những định hướng trên sớm trở thành hiện thực, Chính phủ và các doanh nghiệp hai nước nên quan tâm tới một số vấn đề cụ thể như sau:

#### **3.1. Tăng cường thuận lợi hóa thương mại và đầu tư**

Thương mại và đầu tư cần được tạo thuận lợi không chỉ bằng các cam kết chính trị, mà phải bằng

các hành động cụ thể. Hai bên tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc tổ chức các Hội chợ thương mại Việt Nam- Lào và sẽ tiếp tục nghiên cứu tổ chức thêm các Hội chợ thương mại Việt - Lào tại một số địa phương khác của Lào trong những năm tới. Tiếp tục tập trung thực hiện các nội dung đã thỏa thuận giữa hai Chính phủ tại Chiến lược về hợp tác 10 năm tới, giai đoạn 2011-2020 và Hiệp định hợp tác 5 năm giai đoạn 2011-2015. Hai bên tiếp tục dành ưu đãi thuế quan cho DN Việt Nam và Lào; nghiên cứu, báo cáo Chính phủ hai nước cho phép mở rộng danh mục hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan, giảm thuế 50% và 0% cho những năm tiếp theo; tiếp tục triển khai các thỏa thuận về hợp tác phát triển thương mại biên giới giữa hai nước. Tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư Việt Nam – Lào; tích cực triển khai các chương trình, thỏa thuận hợp tác mà lãnh đạo cấp cao 2 nước đã thống nhất.

#### **3.2. Chia sẻ thông tin và tăng cường hợp tác về quy hoạch không gian kinh tế**

Liên kết và hợp tác cần dựa trên nền tảng hiểu biết lẫn nhau và sự phối hợp trên thực tế. Vì vậy, cần tăng cường quan hệ hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các địa phương của hai nước, nhất là các địa phương có chung biên giới; sớm kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới cơ chế và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban Liên Chính phủ và bộ phận thường trực Phân ban hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Đồng thời, tích cực chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Hiệp định hợp tác 5 năm 2011-2015 và Chiến lược hợp tác 10 năm 2011- 2020. Hai bên cũng nghiên cứu lập “Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam-Lào đến năm 2020”; nghiên cứu lập “Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam-Lào giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2030”; tăng cường hợp tác quản lý thị trường và kiểm tra hàng hóa, hợp tác đào tạo cũng như cơ chế phối hợp giữa hai bộ. Tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp thực hiện các cam kết và có sự đồng thuận trong các chương trình hợp tác trong khuôn khổ hợp tác đa phương như: ASEAN, hợp tác Tiểu vùng Mêkông mở rộng (GMS), Hành lang kinh tế Đông- Tây (EWEC), hợp tác Campuchia, Lào, Myanma, Việt Nam (CLMV), hợp tác Campuchia, Lào, Việt Nam (CLV), hợp tác Campuchia, Lào, Việt Nam + Nhật Bản (CLV+J)... vào mục tiêu phát triển và hợp tác của hai nước; tiếp tục phối hợp rà soát các dự án đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Lào đã được các cấp có thẩm quyền hai nước cấp phép; sớm kết thúc đàm phán và ký kết Hiệp định Khuyến khích và bảo

hộ đầu tư mới trong năm 2012 để thay thế cho Hiệp định đã ký năm 1996.

### **3.3. Việt Nam cần tăng cường đầu tư mạnh sang Lào – coi đây là trọng điểm đầu tư số 1**

Chính phủ hai bên cần chỉ đạo các cơ quan, địa phương thực hiện thống nhất về chương trình trọng điểm trong hợp tác thời gian tới là tập trung vào 4 lĩnh vực: Thương mại - đầu tư; giao thông vận tải; năng lượng thủy điện; hợp tác trồng cây công nghiệp và khai thác mỏ. Ngoài ra hai bên tiếp tục duy trì hoạt động và nâng cao năng lực của các dự án hợp tác và chương trình hợp tác đầu tư phát triển sản xuất hàng hoá. Tăng cường đầu tư vào Lào, còn giải quyết chiến lược lâu dài cho phát triển kinh tế bền vững hai bên, cân đối cán cân thanh toán cho Lào, tạo điều kiện để Lào có thể nâng cao giá trị hàng xuất khẩu sang Việt Nam. Mặt khác, do dung lượng nhập khẩu của thị trường Lào hạn chế, vì vậy các doanh nghiệp Việt Nam cần tận dụng mọi cơ hội có được để đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang Lào. Nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam. Đa dạng hoá cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, trong đó chú trọng tới cả việc các nhà thầu xây dựng Việt Nam tích cực tham gia đấu thầu và đấu thầu thành công các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án công nghiệp, khai khoáng, các dự án nông, lâm nghiệp và các dự án phát triển xã hội của Lào để thêm cơ hội xuất khẩu hàng Việt Nam sang Lào. Tăng cường đầu tư của Việt Nam vào Lào không những góp phần tăng nguồn hàng xuất khẩu của Lào, mà còn làm tăng cơ hội xuất khẩu của hàng Việt Nam phục vụ cho chính các dự án đầu tư này. Việc tham gia Hội chợ Thương mại Việt – Lào cũng là cơ hội tốt để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của

Việt Nam sang thị trường này.

### **3.4. Đẩy mạnh kết nối giao thông và cung cấp dịch vụ logistics xuyên biên giới**

Giao thông và dịch vụ logistics hiệu quả là tiền đề quan trọng trong hợp tác liên quốc gia. Chính phủ hai bên cần sớm hoàn thành việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam-Lào; phối hợp với Campuchia để sớm ký Thỏa thuận Vận tải quá cảnh ba nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hành khách và hàng hoá từ Nam Lào qua Đông Bắc Campuchia tới các tỉnh phía Nam Việt Nam và ngược lại, cũng như nhiều vấn đề quan trọng khác mà hai bên quan tâm. Phát triển và hoàn thiện các tuyến hành lang vận tải xuyên quốc gia, đặc biệt là tuyến hành lang Đông – Tây.

### **3.5. Phát huy môi trường kinh doanh thuận lợi trên nền tảng quan hệ hữu nghị truyền thống**

Kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1962-2012), 35 năm ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (1977-2012) và cũng là “Năm đoàn kết hữu nghị Việt-Lào”. Đây là dịp quan trọng để hai nước cùng nhau phối hợp tuyên truyền, giáo dục cán bộ, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, tăng cường hơn nữa tình đoàn kết đặc biệt Việt-Lào, đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước phát triển lên tầm cao mới. Đây là điều kiện, là tiền đề cho các hoạt động hợp tác kinh tế và ngược lại, hợp tác kinh tế cũng sẽ giúp hai bên xích lại gần nhau và liên kết chặt chẽ hơn nữa vì tình hữu nghị và tương lai của hai dân tộc. □

#### **Ghi chú:**

1. Hiệp định thương mại tự do ASEAN – AFTA
2. Công thông tin chính phủ điện tử
3. Công thông tin chính phủ điện tử
4. Vietnam's supply challenge, 19/10/2011, <http://www.supplychaininsight.vn/home/vietnaminfra/item/606-vietnam-s-supply-chain-challenge.html>

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Vietnam's supply challenge, 19/10/2011, <http://www.supplychaininsight.vn/home/vietnaminfra/item/606-vietnam-s-supply-chain-challenge.html>
2. TTX Việt Nam/Vietnam
3. Báo Nhân dân điện tử ngày 20/2/2009; 23/4/2012.
4. [www.vietnamplus.vn](http://www.vietnamplus.vn)
5. [Tapchiconsan.org.vn](http://Tapchiconsan.org.vn) ngày 12/2/2012.
6. Công thông tin chính phủ điện tử
7. [http://clv-triangle.vn/portal/page/portal/clv\\_vn/823461/823663?](http://clv-triangle.vn/portal/page/portal/clv_vn/823461/823663?)